TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Trần Đồng S, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện sống chung từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2017. Chị và anh S đã ly thân từ năm

2021 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 13/9/2019, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Đồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Nh được ly hôn với anh S.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 13/9/2019 cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, anh S đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Nh và anh S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nh và anh S tự nguyện sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị Nh và anh S là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị Nh và anh S đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét

thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Nh và anh S không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh, như vậy anh S đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị Nh và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh, cho chị Nh được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do chị Nh cung cấp và lời khai của chị Nh thì chị Nh và anh S có hai người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 13/9/2019, hiện đang sống chung với chị Nh. Chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung. Anh S đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị Nh nhưng anh S không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị Nh. Xét thấy, cháu T và cháu Đ sống cùng với chị Nh từ khi ly thân đến nay, hiện cháu T và cháu Đ phát triển tốt, chị Nh có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/6/2023 cháu T có nguyện vọng sống cùng với chị Nh. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 13/9/2019 cho chị Nh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Nh ly hôn anh Trần Đồng S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Minh Đ, sinh ngày 13/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Nh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Đồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Nh đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012725 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Anh Trần Đồng S không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly